

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HS-ST
Ngày 13 - 6 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Thái.

Ông Nguyễn Đức Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2018/HSST ngày 20 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Thị M, sinh ngày 16 tháng 3 năm 1973 tại xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần T và bà Nguyễn Thị V; có chồng là Đỗ Văn L và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 17/01/2018 đến ngày 23/01/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú, “có mặt”.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1991; cư trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

2. Anh Đường Trọng K, sinh năm 1989; cư trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Anh Đỗ Văn L “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 17/01/2018, Trần Thị M đang bán bia tại quán của Minh ở thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc thì Đường Trọng K và Nguyễn Xuân Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 88E1-128.89 đến nhà M uống bia. Khoảng 10 phút sau Đ hỏi M: “Chị có biết ở đây chỗ nào ghi số lô, số đề không”, M nói: “Chú ghi số lô hay số đề”. Sau đó Đ ghi 05 số lô gồm: 89, 78, 66, 53, 35 mỗi số 20 điểm tương ứng mỗi điểm Đ phải trả cho M 23.000 đồng, tổng số bằng 100 điểm. M ghi các số lô trên vào mặt sau tờ giấy hóa đơn, Đ đưa cho M 2.300.000 đồng. Lúc này K nói với M: “Chị ghi cho em con 65, 98, 86 mỗi con 30 điểm, con 47 là 40 điểm”, tổng là 130 điểm, M ghi số lô của K vừa đánh vào mặt sau giấy hóa đơn, K đưa cho M 2.990.000 đồng. M xé cấp số lô vừa ghi đưa cho Đ và K thì Công an huyện B kiểm tra phát hiện bắt quả tang thu giữ tại vị trí đánh bạc số tiền 5.290.000 đồng, 02 giấy cấp đề ghi các số lô 89, 78, 66, 53, 35, 65, 98, 86, 47, 01 bút bi màu xanh, 01 điện thoại di động Samsung màu đồng, số imei: 356412075249448.

Quá trình điều tra, các đối tượng M, Đ, K khai nhận cách thức đánh bạc là mặc nhiên căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc (quay số mở thưởng từ 18 giờ 30 phút hàng ngày) từ giải đặc biệt cho đến giải bảy, lấy 02 số cuối của các giải so sánh với các số của Đ, K đánh nếu trùng số thì Đ, K trúng (1 điểm trúng được 80.000 đồng), nếu trong các giải của xổ số kiến thiết Miền Bắc có 02 số, 03 số trùng với số của Đ, K đánh thì được nhân hai, nhân ba số điểm đã đánh.

Tại cơ quan điều tra, Trần Thị M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như vừa nêu trên, ngoài ra M còn khai nhận trước đó vào các ngày 14, 15, 16 tháng 01 năm 2018 M còn đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề 03 lần khác cho ba người không biết tên tuổi địa chỉ được số tiền 370.000 đồng, M đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 370.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKSBX ngày 18/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố Trần Thị M về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị M phạm tội “*Đánh bạc*”. Về điều luật áp dụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo M từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo M số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên của Cơ quan điều tra – Công an huyện B, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn, lấy lời khai của bị can và những người tham gia tố tụng, kết luận điều tra, ban hành cáo trạng. Thời hạn điều tra, truy tố đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Xét thấy tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị M đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình ngày 17/01/2018. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác. Phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B. Phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như sổ tiền thu được của M do phạm tội mà có. Bị cáo khai nhận: Khoảng 16 giờ 30 ngày 17/01/2018, tại quán bia của gia đình ở thôn K, xã Đ, huyện B, M đã có hành vi ghi 05 số lô gồm 89, 78, 66, 53, 35 cho Nguyễn Xuân Đ (mỗi số 20 điểm, mỗi điểm M thu số tiền là 23.000 đồng), và ghi 04 số lô cho Đường Trọng K gồm 65, 98, 86 (mỗi số 30 điểm), số 47 là 40 điểm. Tổng cộng, M ghi 09 số lô tương ứng là 230 điểm M thu của Đ và K số tiền là 5.290.000 đồng. Khi M vừa xé cáp lô đưa cho Đ và K thì bị Cơ quan điều tra – Công an huyện B kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

Hành vi của Trần Thị M đã phạm tội “*Đánh bạc*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Do đó có đủ cơ sở để kết luận Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Trần Thị M theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, không oan sai.

Điều 321 Bộ luật hình sự qui định:

1. “Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc...thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo vì ham lợi cá nhân đã có hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức ghi lô đề tại quán của gia đình mình quản lý để thu lợi bất chính, xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính

trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn và gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo Trần Thị M là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bản thân chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo có bố đẻ là ông Trần T là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang và Huân chương chiến thắng hạng Ba nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội được tự cải tạo, sửa chữa sai lầm để trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo đánh bạc để thu lợi cá nhân nên cần áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền sung ngân sách nhà nước.

Đối với Nguyễn Xuân Đ và Đường Trọng K đã có hành vi đánh lô. Ngày 29/12/2017, Công an huyện B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đ và K là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với hành vi ghi lô đề vào các ngày 14, 15, 16 tháng 01 năm 2018 bị cáo tự khai nhận. Quá trình điều tra, không xác định được những đối tượng đến ghi lô, đề tại quán của M nên không đủ cơ sở để kết luận hành vi ghi lô đề vào các ngày nêu trên phạm tội đánh bạc.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 5.290.000 đồng thu của bị cáo là tiền dùng để đánh bạc nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 370.000 đồng do bị cáo M tự nguyện giao nộp không đủ cơ sở để kết luận số tiền trên dùng để đánh bạc nên cần trả lại cho bị cáo M nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 bút bi là công cụ thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đồng thu của bị cáo M. Quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo M nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6] Về án phí: Bị cáo M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa về tội danh cũng như mức hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị M phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị M 07 (Bảy) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự phạt bị cáo Trần Thị M số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Trần Thị M cho Ủy ban nhân dân xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu số tiền 5.290.000 đồng (Năm triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) của bị cáo là tiền do phạm tội mà có sung ngân sách Nhà nước.

Trả lại số tiền 370.000 đồng (Ba trăm bảy mươi nghìn đồng) cho bị cáo Minh nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 01 bút bi là công cụ thực hiện hành vi phạm tội.

Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đồng đã cũ số imei 356412075249448 cho bị cáo M, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Các vật chứng, tài sản nêu trên có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 24 tháng 4 năm 2018.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Thị M phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện KSND H.B;
- Viện KSND T.Vĩnh Phúc;
- Cơ quanĐT - Công an H.B;
- Cơ quan THAHS - Công an H.B
- Cơ quan THADS H.;
- UBND xã Đ, H.B;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Anh Vũ